

*Báo cáo của Ban Giám đốc và  
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**  
**Năm 2010**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**(AASCS)**  
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 – 08.38205.947; Fax: 08.38205.942

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban giám đốc</b>	<b>03 – 04</b>
<b>Báo cáo Kiểm toán hợp nhất</b>	<b>05</b>
<b>Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2010	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2010	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010	12 – 25

## **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2** được chuyển từ loại hình doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 184/QĐ – TTg ngày 04/03/2002 của Thủ tướng Chính Phủ.

**Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:** Kinh doanh nguyên liệu và thành phẩm đông nam dược, thành phẩm tân dược, dụng cụ y tế thông thường, bao bì và hương liệu, mỹ phẩm để hỗ trợ cho việc phát triển dược liệu. Xuất khẩu: tinh dầu, dược liệu, nguyên liệu và thành phẩm đông nam dược, nông lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ. Nhập khẩu: hương liệu, dược liệu, nguyên liệu để làm thuốc chữa bệnh, dược phẩm, dụng cụ y tế, vi sinh, hoá chất, chất màu để phục vụ sản xuất thuốc, chất tẩy rửa, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, vật tư thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc. Sản xuất đông dược, nguyên liệu, hương liệu, tinh dầu. Chế biến dược liệu. Dịch vụ lữ hành nội địa. Vận tải hành khách và hàng hoá. Dịch vụ kho bãi, chuyên giao công nghệ. Kinh doanh vắc – xin.

### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**

#### **Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

Ông Phạm Anh Kiệt	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Thành Lây	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Văn Phúc	Thành viên HĐQT
Bà Đặng Lệ Thu	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên HĐQT

#### **Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:**

Ông Phan Thành Lây	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phận	Phó Tổng Giám Đốc

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

#### **Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

*Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*

---

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2010*

**TM. Ban Giám Đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**DS. Phan Thành Lây**

Số: ...../BCKT/TC

# Báo cáo kiểm toán hợp nhất

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2

**Kính gửi:** - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2  
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 31 tháng 03 năm 2010 của **Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2** từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

## *Cơ sở ý kiến:*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

## *Ý kiến của kiểm toán viên:*

- Một số công nợ phải thu, phải trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 chưa được đối chiếu, xác nhận nợ và tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi cũng chưa nhận được sự phản hồi về một số khoản công nợ từ phía khách hàng;

- Một số công nợ chưa xác định được rõ đối tượng do đây là những công nợ từ những năm trước chuyển sang, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi cũng không thể xác định được đối tượng công nợ (theo ý kiến của chúng tôi đề nghị đơn vị xác định rõ những công nợ thuộc đối tượng nào và đối chiếu xác nhận nợ để có hướng xử lý);

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên (nếu có) báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2011*

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính**  
**Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**  
**Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Lê Văn Tuấn**  
Chứng chỉ KTV D0479/KTV

**Đình Thế Đường**  
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	M.số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A.TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>4.230.821.144.017</b>	<b>3.004.865.681.264</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>108.584.501.897</b>	<b>70.622.385.298</b>
1. Tiền	111		108.584.501.897	70.622.385.298
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>10.642.400.000</b>	<b>6.766.800.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2.1	10.642.400.000	6.766.800.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	2.2	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>3</b>	<b>3.797.480.577.315</b>	<b>2.711.000.469.397</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	3.1	3.692.607.635.408	2.601.004.272.726
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	8.351.134.837	20.237.022.442
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	97.110.936.902	90.348.304.061
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	3.4	(589.129.832)	(589.129.832)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>289.743.024.168</b>	<b>194.806.803.347</b>
1. Hàng tồn kho	141		289.743.024.168	194.806.803.347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>24.370.640.636</b>	<b>21.669.223.221</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	91.376.042	676.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	1.634.154.065	881.327.132
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154	5.3	358.167.408	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	22.286.943.121	20.111.896.089
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>14.426.382.929</b>	<b>14.613.431.279</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.434.233.549</b>	<b>11.806.841.001</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>6</b>	<b>9.425.844.514</b>	<b>10.845.688.985</b>
- Nguyên giá	222		20.157.147.727	19.808.145.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.731.303.213)	(8.962.456.745)
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>7</b>	<b>170.823.421</b>	<b>24.000.000</b>
- Nguyên giá	228		339.293.534	107.058.402
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(168.470.113)	(83.058.402)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>8</b>	<b>837.565.614</b>	<b>937.152.016</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>9</b>	<b>3.992.149.381</b>	<b>2.806.590.278</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	3.992.149.381	1.896.590.278
3. Tài sản dài hạn khác	268	9.2	-	910.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>4.245.247.526.946</b>	<b>3.019.479.112.542</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	M.số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3		
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>4.152.125.627.178</b>	<b>2.947.692.380.099</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>10</b>	<b>4.150.207.562.145</b>	<b>2.946.777.229.062</b>
1. Vay ngắn hạn và nợ ngắn hạn	311		-	
2. Phải trả người bán	312	10.1	3.834.945.274.055	2.730.607.254.634
3. Người mua trả tiền trước	313	10.2	111.044.062.555	93.444.791.790
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	10.3	33.564.475.129	41.237.372.312
5. Phải trả công nhân viên	315	10.4	2.612.783.913	2.743.436.292
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	10.5	167.930.729.369	78.744.374.034
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	10.6	110.237.123	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>11</b>	<b>1.918.065.033</b>	<b>915.151.037</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	11.1	1.815.000.000	915.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	11.2	103.065.033	151.037
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>93.121.899.768</b>	<b>71.786.732.443</b>
<b>I.Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>89.374.814.768</b>	<b>66.486.800.369</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.000.000.000	28.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(5.444.899.336)	(7.866.159.512)
7. Quỹ đầu tư và phát triển	417		20.843.211.681	20.843.211.681
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.283.722.582	2.601.875.505
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		9.808.336.389	6.464.514.002
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.884.443.452	16.443.358.693
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II.Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>3.747.085.000</b>	<b>5.299.932.074</b>
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		-	88.847.074
2. Nguồn kinh phí	432		3.747.085.000	5.211.085.000
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.245.247.526.946</b>	<b>3.019.479.112.542</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		55.206,10	132.044,39
- EUR		182,81	4.591,56
- GBP			430,21
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CN. Nguyễn Văn Lưu Phương**

**DS. Phan Thành Lây**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	M.số	T.minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	13	7.452.573.447.077	6.451.801.761.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	30.942.280.326	139.700.655.622
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15	7.421.631.166.751	6.312.101.106.345
4. Giá vốn hàng bán	11	16	7.297.641.239.689	6.199.477.262.695
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.989.927.062	112.623.843.650
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	35.421.761.299	33.799.712.251
7. Chi phí tài chính	22	18	62.849.619.233	76.928.095.176
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		25.350.903.553	23.278.868.816
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		30.775.202.870	26.827.324.453
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		40.435.962.705	19.389.267.456
11. Thu nhập khác	31		4.625.161.079	6.901.085.123
12. Chi phí khác	32		3.745.209.515	219.128.225
13. Lợi nhuận khác	40		879.951.564	6.681.956.898
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		41.315.914.269	26.071.224.354
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	12.753.444.483	4.572.116.610
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.562.469.786	21.499.107.744
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		10.201	7.678
			-	-

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN. Nguyễn Văn Lưu Phương

DS. Phan Thành Lây

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>41.315.914.269</b>	<b>26.071.224.354</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	2		1.994.656.177	1.603.590.271
- Các khoản dự phòng	3			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(180.557.858)	(4.244.755.252)
- Chi phí lãi vay	6			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>43.130.012.587</b>	<b>23.430.059.373</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(1.088.302.675.206)	(999.744.086.830)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(94.936.220.821)	(43.947.582.987)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.210.926.144.262	1.073.713.485.372
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.510.935.145)	(627.784.424)
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.661.014.577)	(2.512.195.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		505.449.114.312	23.989.641.955
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(523.099.207.202)	(44.915.837.223)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>40.995.218.210</b>	<b>29.385.700.236</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.106.530.123)	(5.255.477.908)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			232.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			20.418.494.800
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.971.459.221	3.958.443.883
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.864.929.098</b>	<b>(646.039.225)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			3.500.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(300.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.880.000.000)	(1.092.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.880.000.000)</b>	<b>2.107.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2***Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>37.980.147.308</b>	<b>30.847.161.011</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>70.622.385.298</b>	<b>39.731.710.398</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(18.030.709)</b>	<b>43.513.889</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>108.584.501.897</b>	<b>70.622.385.298</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2010*

**Tổng Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CN. Nguyễn Văn Lưu Phương**

**DS. Phan Thành Lây**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** *Năm 2010*

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

**Công ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2** được chuyển từ loại hình doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 184/QĐ – TTg ngày 04/03/2002 của Thủ tướng Chính Phủ.

**Vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 đồng** (Hai mươi tám tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh nguyên liệu và thành phẩm đông nam dược, thành phẩm tân dược, dụng cụ y tế thông thường, bao bì và hương liệu, mỹ phẩm để hỗ trợ cho việc phát triển dược liệu. Xuất khẩu: tinh dầu, dược liệu, nguyên liệu và thành phẩm đông nam dược, nông lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ. Nhập khẩu: hương liệu, dược liệu, nguyên liệu để làm thuốc chữa bệnh, dược phẩm, dụng cụ y tế, vi sinh, hoá chất, chất màu để phục vụ sản xuất thuốc, chất tẩy rửa, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, vật tư thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc. Sản xuất đông dược, nguyên liệu, hương liệu, tinh dầu. Chế biến dược liệu. Dịch vụ lữ hành nội địa. Vận tải hành khách và hàng hoá. Dịch vụ kho bãi, chuyển giao công nghệ. Kinh doanh vắc – xin. **Các công ty con**

#### **3.1 Số lượng các công ty con được hợp nhất : 01**

#### **3.2 Danh sách các công ty con được hợp nhất**

##### **Công Ty 1 Thành Viên Dược Liệu Trung Ương 2**

Địa chỉ : Số 178 Nguyễn Lương Bằng - Quận Đống Đa - Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 100 %

Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 100 %

#### **3. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

**4. Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **II Chế độ kế toán áp dụng:**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

#### **3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất :**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt nam (VND) phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam. Số liệu để lập báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con .

#### **4. Các giao dịch bị loại khỏi báo cáo khi hợp nhất :**

- Các số dư giữa các khoản phải thu, phải trả giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty bị loại bỏ ;

- Doanh thu bán hàng, giá vốn cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị trong cùng công ty ;

- Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con và phần vốn của công ty mẹ tại công ty con.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

---

### III Các chính sách kế toán áp dụng:

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

**1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

#### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

##### 2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền .

**2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

##### 2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

##### 3.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Không phát sinh.

#### 4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

##### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

*Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*

---

**4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 203/20093/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

**5. Hợp đồng thuê tài chính:** Không phát sinh.

**6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:** Không phát sinh.

**7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

**7.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**7.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:**  
*Không phát sinh*

**7.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**8.3.1. Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**8.3.2. Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**7.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**8. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:**

**8.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:**

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**8.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:**

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

**9. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

**9.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

*Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*

---

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

### **9.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

### **9.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## **10. Kế toán các hoạt động liên doanh:**

### **10.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:**

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

### **10.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:**

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

## **11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

## **12. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

---

- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

**13. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi:** Không phát sinh

**14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:** Không phát sinh

**15. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

**15.1 Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**15.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

**16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

**16.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**16.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

**16.3 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2010

*( Bản thuyết minh báo cáo tài chính này là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của báo cáo kiểm toán và cần phải đọc cùng với báo cáo kiểm toán)***VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>			
<b>1.1-Tiền mặt</b>		<b>1.225.846.848</b>	<b>2.110.762.457</b>
- Cty CP dược liệu Trung Ương 2		909.435.451	1.815.506.772
- Cty TNHH MTV dược liệu Trung Ương 2		316.411.397	295.255.685
<b>1.2-Tiền gửi ngân hàng</b>		<b>107.358.655.050</b>	<b>68.511.622.841</b>
- Cty CP dược liệu Trung Ương 2		105.282.935.338	67.585.755.060
- Cty TNHH MTV dược liệu Trung Ương 2		2.075.719.712	925.867.781
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>108.584.501.898</b>	<b>70.622.385.298</b>
<b>2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>			
<b>2.1-Đầu tư ngắn hạn</b>		<b>10.642.400.000</b>	<b>6.766.800.000</b>
- TGNH có kỳ hạn tại NH TMCP Kỹ Thương VN- CN Thăng Long			20.000.000
- Tiền gửi NH có kỳ hạn tại NH Sacombank		8.992.400.000	1.590.000.000
- Ngân hàng VIB		1.650.000.000	
- Ngân hàng Sacombank			5.156.800.000
<b>2.2-Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>			
<b>Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>10.642.400.000</b>	<b>6.766.800.000</b>
<b>3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>			
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>3.1-Phải thu khách hàng</b>		<b>3.692.607.635.408</b>	<b>2.601.004.272.726</b>
<b>3.2-Trả trước cho người bán</b>		<b>8.351.134.837</b>	<b>20.237.022.442</b>
<b>3.3-Các khoản phải thu khác</b>		<b>97.110.936.902</b>	<b>90.348.304.061</b>
<b>3.4-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		<b>(589.129.832)</b>	<b>(589.129.832)</b>
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.797.480.577.315</b>	<b>2.711.000.469.397</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2010

*( Bản thuyết minh báo cáo tài chính này là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của báo cáo kiểm toán và cần phải đọc cùng với báo cáo kiểm toán)*

<b>4. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	355.111.335	258.410.540
- Công cụ, dụng cụ	77.931.234	84.443.964
- Chi phí SX, KD dở dang	1.902.525	12.692.343
- Thành phẩm	44.426.828	995.703.002
- Hàng hóa	289.263.652.246	193.455.553.498
<b>Cộng hàng tồn kho</b>	<b>289.743.024.168</b>	<b>194.806.803.347</b>
<b>5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>91.376.042</b>	<b>676.000.000</b>
<b>5.2- Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>1.634.154.065</b>	<b>881.327.132</b>
<b>5.3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước</b>	<b>358.167.408</b>	
<b>5.4- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>22.286.943.121</b>	<b>20.111.896.089</b>
<b>a-Cty CP dược liệu Trung Ương 2</b>	<b>21.830.636.143</b>	<b>19.508.596.089</b>
* Phải thu tạm ứng	2.682.570.863	1.670.997.916
* Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.148.065.280	17.837.598.173
<b>b-Cty TNHH 1 Thành Viên Dược Liệu Trung Ương 2</b>	<b>456.306.978</b>	<b>603.300.000</b>
* Phải thu tạm ứng		<b>300.000.000</b>
* Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	456.306.978	<b>303.300.000</b>
<b>Cộng tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>24.370.640.636</b>	<b>21.669.223.221</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, TD</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ QL</b>	<b>TSCĐHH khác</b>	<b>Tổng Cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>11.268.700.321</b>	<b>4.637.682.974</b>	<b>2.025.568.669</b>	<b>1.534.499.552</b>	<b>341.694.214</b>	<b>19.808.145.730</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b>	<b>257.887.040</b>	<b>99.205.400</b>	<b>-</b>	<b>101.332.365</b>	<b>36.793.370</b>	<b>495.218.175</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	257.887.040	99.205.400		101.332.365	36.793.370	495.218.175
- Đầu tư XD CB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
<b>3 Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>146.216.178</b>	<b>-</b>	<b>146.216.178</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán				146.216.178		146.216.178
- Giảm khác						-
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>11.526.587.361</b>	<b>4.736.888.374</b>	<b>2.025.568.669</b>	<b>1.489.615.739</b>	<b>378.487.584</b>	<b>20.157.147.727</b>
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>						
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>4.377.508.956</b>	<b>2.331.419.165</b>	<b>1.186.353.400</b>	<b>930.497.572</b>	<b>136.677.652</b>	<b>8.962.456.745</b>
<b>2 Tăng trong năm</b>	<b>854.974.838</b>	<b>633.110.559</b>	<b>207.299.712</b>	<b>175.715.971</b>	<b>38.143.386</b>	<b>1.909.244.466</b>
- Khấu hao trong năm	854.974.838	633.110.559	207.299.712	175.715.971	38.143.386	1.909.244.466
- Tăng khác						-
<b>3 Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>140.397.997</b>	<b>-</b>	<b>140.397.997</b>
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán				140.397.997		140.397.997
- Giảm khác						-
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>5.232.483.794</b>	<b>2.964.529.724</b>	<b>1.393.653.112</b>	<b>965.815.545</b>	<b>174.821.038</b>	<b>10.731.303.213</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1 Tại ngày đầu năm	6.891.191.365	2.306.263.809	839.215.269	604.001.980	205.016.562	10.845.688.985
2 Tại ngày cuối năm	6.294.103.567	1.772.358.650	631.915.557	523.800.194	203.666.546	9.425.844.514

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2010

*(Bản thuyết minh báo cáo tài chính này là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của báo cáo kiểm toán và cần phải đọc cùng với báo cáo kiểm toán)***7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

KHOẢN MỤC		Tài sản vô hình khác	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>I.</b>	<b>Nguyên giá</b>			
1	Số dư đầu năm	40.000.000	67.058.402	107.058.402
2	Số tăng trong năm	232.235.132	-	232.235.132
	<i>Bao gồm:</i>			-
	- Mua trong năm			-
	- Tạo ra từ nội bộ DN			-
	- Đầu tư XDCB hoàn thành	232.235.132		232.235.132
3	Giảm trong năm	-	-	-
	<i>Bao gồm:</i>			-
	- Thanh lý, nhượng bán			-
	- Giảm khác			-
4	Số dư cuối năm	272.235.132	67.058.402	339.293.534
<b>II.</b>	<b>Giá trị hao mòn LK</b>			-
1	Số dư đầu năm	16.000.000	67.058.402	83.058.402
2	Tăng trong năm	85.411.711	-	85.411.711
	- Khấu hao trong năm	85.411.711		85.411.711
	- Tăng khác			-
3	Giảm trong năm	-	-	-
	<i>Bao gồm:</i>			-
	- Thanh lý, nhượng bán			-
	- Giảm khác			-
4	Số dư cuối năm	101.411.711	67.058.402	168.470.113
<b>III.</b>	<b>Giá trị còn lại</b>			
1	Tại ngày đầu năm	24.000.000	-	24.000.000
2	Tại ngày cuối năm	170.823.421	-	170.823.421

**8. CHI PHÍ XDCB DỒI DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm TSCĐ	241.142.711	216.038.619
- Dự án 24 Nguyễn Thị Nghĩa	373.756.311	373.756.312
- Xây dựng kho GSP	4.363.637	
- Thiết lập hệ thống ISO	99.350.674	
- Nhà Máy GMP	47.000.000	
- Công trình khác	65.771.743	338.497.443
- Sửa chữa lớn TSCĐ	6.180.538	6.180.538
- Xây dựng cơ bản khác		2.679.104
<b>Cộng chi phí SXKD dở dang</b>	<b>837.565.614</b>	<b>937.152.016</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2010

*( Bản thuyết minh báo cáo tài chính này là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của báo cáo kiểm toán và cần phải đọc cùng với báo cáo kiểm toán)*

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
9.1- Chi phí trả trước dài hạn	3.992.149.381	1.896.590.278
9.2- Tài sản dài hạn khác( ký quỹ dài hạn)		910.000.000
<b>Cộng tài sản dài hạn khác</b>	<b>3.992.149.381</b>	<b>2.806.590.278</b>

10. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
10.1- Phải trả người bán	3.834.945.274.055	2.730.607.254.634
10.2 - Người mua trả tiền trước	111.044.062.555	93.444.791.791
10.3-Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	33.564.475.129	41.237.372.312

**Ghi chú :**

Việc hạch toán vào chi phí do xuất hàng khuyến mãi là không đúng với điều 4 ( quy định nguyên tắc về khuyến mại) chương II của nghị định 37/2006/CP ngày 04 tháng 04 năm 2006. Theo quy định tại nghị định này :“không được dùng thuốc chữa bệnh cho người, kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông để khuyến mại” để khuyến mãi . Do vậy báo cáo tài chính của đơn vị có thể bị thay đổi tùy thuộc vào chi phí xuất hàng khuyến mại là thuốc có được cơ quan chức năng chấp thuận.

**Ghi chú :**

\* Theo quyết định số 42/QĐ-CT-KTNB ngày 8/3/2011 của Cục Thuế Tp.HCM số liệu các khoản phải nộp nhà nước từ năm 2004 đến 2008 công ty phải nộp như sau :

Năm	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Phạt hành chính	Khắc phục hậu quả	Tổng cộng
2004			58.994.828		58.994.828
2005	448.062.935	893.310.935	1.128.477.102		2.469.850.972
2006	336.051.309	266.211.924	605.399.555		1.207.662.788
2007	265.286.567	634.749.832	441.389.769		1.341.426.168
2008	60.019.654	15.854.814			75.874.468
Khác				156.469.892	156.469.892
<b>Cộng</b>	<b>1.109.420.465</b>	<b>1.810.127.505</b>	<b>2.234.261.254</b>	<b>156.469.892</b>	<b>5.310.279.116</b>

*Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.*

10.4- Phải trả người lao động	2.612.783.913	2.743.436.292
10.5- Các khoản phải trả khác	167.930.729.369	78.744.374.034
10.6- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	110.237.123	
<b>Cộng nợ ngắn hạn</b>	<b>4.150.207.562.145</b>	<b>2.946.777.229.063</b>

11. NỢ DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
11.1- Phải trả dài hạn khác	1.815.000.000	915.000.000
- Ký quỹ dài hạn thu lại của Zuellig	1.815.000.000	915.000.000
11.2- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	103.065.033	151.037
<b>Cộng nợ dài hạn</b>	<b>1.918.065.033</b>	<b>915.151.037</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2010

*( Bản thuyết minh báo cáo tài chính này là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của báo cáo kiểm toán và cần phải đọc cùng với báo cáo kiểm toán)*

<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của nhà nước	30%	8.400.000.000	8.400.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	70%	19.600.000.000	19.600.000.000
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>100%</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận****+ Vốn đầu tư của chủ SH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn góp đầu năm	28.000.000.000	28.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	28.000.000.000	28.000.000.000

**+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia****d) Cổ tức****+ Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

**+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận****e) Cổ phiếu****+ Số lượng cp đăng ký phát hành****+ Số lượng cp đã bán ra công chúng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
- Cổ phiếu phổ thông	2.800.000	2.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

**+ Số lượng cp được mua lại**

- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		

**+ Số lượng cp đang lưu hành**

- Cổ phiếu phổ thông	2.800.000	2.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đ/cp

**f) Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển	37.935.270.652	29.909.601.188
- Quỹ dự phòng tài chính	20.843.211.681	20.843.211.681
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	7.283.722.582	2.601.875.505
	9.808.336.389	6.464.514.002

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2010

*( Bản thuyết minh báo cáo tài chính này là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của báo cáo kiểm toán và cần phải đọc cùng với báo cáo kiểm toán)*

	Năm nay	Năm trước
<b>13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
- Doanh thu bán hàng	7.452.573.447.077	6.451.801.761.967
<b>Cộng</b>	<b>7.452.573.447.077</b>	<b>6.451.801.761.967</b>
<b>14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		
- Chiết khấu thương mại		
- Hàng bán trả lại	30.942.280.326	139.654.608.837
- Giảm giá hàng bán		46.046.785
<b>Cộng</b>	<b>30.942.280.326</b>	<b>139.700.655.622</b>
<b>15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
- Doanh thu thuần trao đổi SP, hàng hóa	7.421.631.166.751	6.312.101.106.345
<b>Cộng</b>	<b>7.421.631.166.751</b>	<b>6.312.101.106.345</b>
<b>16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.297.641.239.689	6.199.477.262.695
<b>Cộng giá vốn hàng bán</b>	<b>7.297.641.239.689</b>	<b>6.199.477.262.695</b>
<b>17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.044.724.137	2.613.366.734
Doanh thu hoạt động tài chính khác	90.278.929	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện (*)	32.286.758.233	31.186.345.517
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>35.421.761.299</b>	<b>33.799.712.251</b>
<i>Ghi chú (*): Đây là khoản chênh lệch tỷ giá của những hợp đồng tự doanh hạch toán tăng doanh thu tài chính theo quy</i>		
<b>18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền vay		
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	62.849.619.233	76.928.095.176
Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (*)		
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>62.849.619.233</b>	<b>76.928.095.176</b>
<i>Ghi chú (*): Đây là khoản chênh lệch tỷ giá của những hợp đồng tự doanh hạch toán tăng chi phí tài chính theo quy định</i>		
<b>19. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	12.753.444.483	4.572.116.610
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	12.753.444.483	4.572.116.610

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2010

*( Bản thuyết minh báo cáo tài chính này là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của báo cáo kiểm toán và cần phải đọc cùng với báo cáo kiểm toán)***22. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>- Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>41.315.914.269</b>	<b>26.071.224.354</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.457.366.260	55.156.276
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	2.457.366.260	55.156.276
- Các khoản điều chỉnh giảm		
<b>- Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>43.773.280.529</b>	<b>26.126.380.630</b>
- Thuế TNDN phải nộp	10.943.320.132	6.531.595.158
- Thuế TNDN được miễn giảm theo thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009		1.959.478.547
- Thuế TNDN phải nộp sau khi miễn giảm theo thông tư 03/2009/TT-BT	10.943.320.132	4.572.116.610
- Thuế TNDN truy thu các năm trước điều chỉnh tăng năm nay	1.810.127.505	
- Thuế TNDN phải nộp năm nay	12.753.447.637	
<b>- Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>28.562.466.632</b>	<b>21.499.107.744</b>

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CN. Nguyễn Văn Lưu Phương

DS. Phan Thành Lây



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**12 VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>20.843.211.681</b>	<b>1.277.971.737</b>	<b>5.082.900.597</b>		<b>7.065.496.296</b>	<b>62.269.580.311</b>
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước						21.499.107.744	21.499.107.744
Tăng khác			1.323.903.768	1.765.205.024			3.089.108.792
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác			-	383.591.619	7.866.159.512	12.121.245.347	20.370.996.478
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>20.843.211.681</b>	<b>2.601.875.505</b>	<b>6.464.514.002</b>	<b>(7.866.159.512)</b>	<b>16.443.358.693</b>	<b>66.486.800.369</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>20.843.211.681</b>	<b>2.601.875.505</b>	<b>6.464.514.002</b>	<b>(7.866.159.512)</b>	<b>16.443.358.693</b>	<b>66.486.800.369</b>
Tăng vốn trong năm nay							-
Lãi trong năm nay						28.562.469.786	28.562.469.786
Tăng khác			5.260.692.514	5.260.692.514	2.421.260.176		12.942.645.204
Giảm vốn trong năm nay							-
Lỗ trong năm nay							-
Giảm khác (*)			578.845.437	1.916.870.127		16.121.385.027	18.617.100.591
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>20.843.211.681</b>	<b>7.283.722.582</b>	<b>9.808.336.389</b>	<b>(5.444.899.336)</b>	<b>28.884.443.452</b>	<b>89.374.814.769</b>

**Ghi chú (\*): Chi tiết các khoản giảm khác của lợi nhuận chưa phân phối gồm :**

- Trích quỹ dự phòng tài chính

- Trích các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi

- Tạm trích cổ tức năm 200

**Số tiền**

5.260.692.514

3.682.484.759

1.578.207.754

5.600.000.000

**16.121.385.027****Tổng cộng**